

Phụ lục

DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG

Gói thầu: Mua vật tư, hoá chất và sinh phẩm chẩn đoán invitro (Mã 09.2022)

(Kèm theo Thông báo số: /TB-TTYT ngày /8/2022 của TTYT huyện Phù Mỹ)

STT	Mã số đầu thầu	Phân nhóm theo TT14/2020 /TT-BYT	Tên hàng hoá	Tên thương mại	Quy cách kỹ thuật, đóng gói	Số Giấy phép lưu hành sản phẩm hoặc số Công văn cho phép NK	Hãng sản xuất Nước sản xuất	Tiêu chuẩn của nhà SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
I		Bộ hóa chất phù hợp với máy xét nghiệm sinh hóa tự động Model: XL-200										
1	HC1	Nhóm 3	Hóa chất định lượng ALBUMIN		*Hộp có quy cách đóng gói: 10 lọ x 44 ml. *Thành phần: Bromocresol green 0.21 mmol/l; Succinate Buffer 100 mmol/l; Sodium Azide 0.5 g/l.				Hộp	1		
2	HC2	Nhóm 3	Hóa chất định lượng ALPHA AMYLASE		*Hộp 5 lọ x 22ml. *Thành phần: MES buffer 50 mmol/l; Calcium Chloride 3.81 mmol/l; Sodium Chloride 300 mmol/l; Potassium Thiocyanate 450 mmol/l; Sodium Azide 13.85 mmol/l ; CNPG 0.91 mmol/l.				Hộp	1		
3	HC3	Nhóm 3	Hóa chất định lượng CREATININE		* Hộp có quy cách đóng gói: R1:5 lọ x 44 ml , R2:5 lọ x 11ml * Thành phần: R1: Sodium Hydroxide 240 mmol/l. R2: Picric Acid 26 mmol/l.				Hộp	1		
4	HC4	Nhóm 3	Hóa chất định lượng TRIGLYCERIDES		*Hộp có quy cách đóng gói:10 lọ x 44 ml *Thành phần: R1: PIPES buffer (pH 7.0) 50 mmol/l; ATP 2.85 mmol/l; Mg 60 mmol/l ; Glycerol Kinase (GK) 1.5 U/ml; Glycerol-3-phosphate oxidase (GPO) 6.0 U/ml; Toos 0.48 mmol/l. R2: Peroxidase 15.0 U/ml; Lipoprotein Lipase 25.0 U/ml.				Hộp	1		
5	HC5	Nhóm 3	Hóa chất dùng xét nghiệm Calcium Arsenazo		Hộp có quy cách đóng gói: 10 lọ x 12ml. *Thành phần: Arsenazo III 0.10 mmol/l; Phosphate buffer (pH 7.8 ± 0.1) 50 mmol/l.				Hộp	1		

STT	Mã số đầu thầu	Phân nhóm theo TT14/2020 /TT-BYT	Tên hàng hoá	Tên thương mại	Quy cách kỹ thuật, đóng gói	Số Giấy phép lưu hành sản phẩm hoặc số Công văn cho phép NK	Hãng sản xuất Nước sản xuất	Tiêu chuẩn của nhà SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
6	HC6	Nhóm 3	Hóa chất chuẩn máy nội kiểm		*Hộp có quy cách đóng gói: 4 lọ x 3 ml. *Thành phần: XL Multical là chất chuẩn đông khô dựa trên huyết thanh người. Nồng độ và hoạt độ phù hợp để hiệu chuẩn các xét nghiệm hóa học lâm sàng.				Hộp	3		
7	HC7	Nhóm 3	Hóa chất định lượng HDL cholesterol		* Hộp, R1: 4 lọ x30ml, R2: 4x10ml. * Thành phần: R1: MES buffer (pH 6.5) 6.5 mmol/l; TODB N, N-Bis(4-sulfobutyl)-3-methylaniline) 3 mmol/l; Polyvinyl sulfonic acid 50 mg/l; Polyethylene-glycol-methyl ester 30 ml/l ; MgCl2 2 mmol/.				Hộp	1		
8	HC8	Nhóm 3	Hóa chất định lượng Protein toàn phần		*Hộp có quy cách đóng gói: 10 lọ x 44ml *Thành phần: Copper II Sulphate 12 mmol/l; Potassium Sodium Tartrate 31.9 mmol/l; Potassium Iodide 30.1 mmol/l; Sodium Hydroxide 0.6mol/l.				Hộp	1		
9	HC9	Nhóm 3	Hóa chất định lượng Gamma Glutamyl Tranferase (GGT)		*Hộp có quy cách đóng gói : R1: 2 lọ x44 ml, R2: 2 lọ x11 ml. *Thành phần: R1: Tris buffer (pH 8.25) 125 mmol/l; Glycyl Glycine 125 mmol/l. R2: L-γ-Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 20 mmol/l				Hộp	2		
10	HC10	Nhóm 3	Hóa chất đo độ cồn trong máu (Ethanol)		* Hộp có qui cách 10 lọ x10ml * Thành phần: R1: blood alcohol buffer (đệm cồn trong máu) R2: blood alcohol starter reagent (thuốc thử khởi động cồn trong máu) R3: blood alcohol calibrator (hiệu chuẩn cồn trong máu)				Hộp	1		
II		Bộ Hóa chất phù hợp cho máy phân tích huyết học, model MEK-6510k.										
11	HC11	Nhóm 4	Dung dịch ly giải/ phá hồng cầu		*Thành phần: Potassium Cyanide <0.05%; Detergent < 5,3%; Quaterner Ammonium Salt <5.0%.				Chai	13		

STT	Mã số đầu thầu	Phân nhóm theo TT14/2020 /TT-BYT	Tên hàng hoá	Tên thương mại	Quy cách kỹ thuật, đóng gói	Số Giấy phép lưu hành sản phẩm hoặc số Công văn cho phép NK	Hãng sản xuất Nước sản xuất	Tiêu chuẩn của nhà SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
12	HC12	Nhóm 4	Dung dịch pha loãng		* Thành phần: Sodium Chloride < 0.9%; Sodium Sulphate < 1.2%; Buffer < 1.1%; Stabiliser 0.01%.				Thùng	33		
13	HC13	Nhóm 4	Dung dịch rửa định kỳ		* Thành phần: Sodium hypochloride < 14.9%; Sodium hydroxide < 1.0%; Detergent < 1.0%.				Thùng	1		
14	HC14	Nhóm 4	Dung dịch rửa thường xuyên		* Thành phần: Sodium Chloride < 0.9 % ; Detergent < 1.1%; Buffer < 0.3%; Stabiliser < 0.3 %; Dye < 0.0001 %.				Thùng	2		
III		Vật tư y tế, hoá chất và sinh phẩm chẩn đoán In vitro										
15	HC15	Nhóm 6	Test thử nước tiểu 10 thông số		* Phù hợp máy phân tích nước tiểu tự động Laura Smart. hoặc tương đương * Lọ 100 test hoặc quy cách khác. *Test thử nước tiểu 10 thông số: Glucose, Protein, Bilirubin, Urobilinogen, S.G, pH, Blood, Ketones, Nitrite, Leukocytes				Test	800		
16	HC16	Nhóm 6	Test xét nghiệm HBA1C		*Phù hợp với máy xét nghiệm HBA1C MH200 Labona Check A1c hoặc tương đương. * 1 hộp kit thử được đóng gói bao gồm 24 test (24 ống kết tủa Hemoglobin, 24 Cartridge, 1 lọ nước rửa 2ml)				Hộp	10		
17	HC17	Nhóm 6	Test xét nghiệm nhanh tìm kháng nguyên chẩn đoán sớm virus sốt xuất huyết NS1		Test dạng cassette có thể thực hiện trên máu toàn phần, huyết thanh và huyết tương, Độ nhạy: 95,8%, Độ đặc hiệu: 96.1% Độ chính xác: 96,0% Có dung dịch chứng dương. □				Test	500		
18	HC18	Nhóm 6	Test xét nghiệm nhanh chẩn đoán viêm gan B		* Thành phần: Cộng hợp: IgG chuột kháng HBsAg B-59, vạch kết quả: IgG chuột kháng HBsAg B-15, vạch chứng: IgG thô gắn Sterptavidin. * Định tính phát hiện kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B trong huyết thanh hoặc huyết tương của người. * Độ nhạy >99.00%, độ đặc hiệu 97.0%, độ chính xác 98.5%. Ngưỡng phát hiện 1 ng/ml (Dạng que 3mm).				Test	100		

STT	Mã số đầu thầu	Phân nhóm theo TT14/2020 /TT-BYT	Tên hàng hoá	Tên thương mại	Quy cách kỹ thuật, đóng gói	Số Giấy phép lưu hành sản phẩm hoặc số Công văn cho phép NK	Hãng sản xuất Nước sản xuất	Tiêu chuẩn của nhà SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
19	HC19	Nhóm 6	Test giang mai		Test nhanh phát hiện kháng thể IgG, IgM, IgA kháng Treponema Pallium. Độ nhạy 99,3% và độ đặc hiệu 99,5% so với TPHA.				Test	100		
20	HC20	Nhóm 6	Hóa chất kiểm tra đông máu Fibrinogen (FIB) Kit		*Hộp có quy cách đóng gói: 5 lọ x 2ml *Thành phần: Bovine Thrombin 100NIH U/ml; Calcium Chloride 0,112%; PHG-8000 4%; Albumin 2,5.				Hộp	1		
21	HC21	Nhóm 6	Phim X quang		* Phù hợp với máy X -quang Model DM-5125 hoặc tương đương. * Kích thước: (24 x 30)cm. * Hộp 100 tấm hoặc quy cách khác				Hộp	40		
22	HC22	Nhóm 6	Giấy in máy điện tim 3 cần		Kích thước: 80mm x 20m				Cuộn	30		
23	HC23	Nhóm 6	Air way nhựa		Kích cỡ: 60,70,80,90mm, Bì 1 cái				Cái	20		
24	HC24	Nhóm 6	Nep cổ cứng		Chất liệu: Được làm từ mút EVA cao cấp với các lỗ thông hơi,Sản phẩm gồm hai mảnh tách rời và gắn kết với nhau bằng hệ thống dán xé nhẹ, chắc chắn.Các số 1,2,3. Bì 1 cái.				Cái	16		
25	HC25	Nhóm 6	Lam kính nhám 7105		Hộp 72 tấm				Hộp	30		
26	HC26	Nhóm 6	Dây hút nhớt có khóa		- Chất liệu: nhựa y tế; Chiều dài: 50 cm, các số 8-14, có khóa, vô trùng. - Túi 1 cái. - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO13845.				Cái	200		
27	HC27	Nhóm 6	Dây Thở Oxy 1 nhánh		1 nhánh. Túi 1 cái.				Cái	30		
28	HC28	Nhóm 6	Nep đùi dài		Chất liệu: Vải cotton, vải có lỗ thoáng khí, vải tricot.Khóa Velcro, nep hợp kim nhôm.1 Cái/ túi.				Cái	15		
29	HC29	Nhóm 6	Kim châm cứu tiết trùng		Các số 1-7				Cái	100.000		
30	HC30	Không phân nhóm	Băng chỉ thị màu nhiệt độ		Hộp/1 cuộn				Cuộn	16		

STT	Mã số đầu thầu	Phân nhóm theo TT14/2020 /TT-BYT	Tên hàng hoá	Tên thương mại	Quy cách kỹ thuật, đóng gói	Số Giấy phép lưu hành sản phẩm hoặc số Công văn cho phép NK	Hãng sản xuất Nước sản xuất	Tiêu chuẩn của nhà SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
31	HC31	Không phân nhóm	Nước cất 1 lần		Can 30 lít				Lít	600		
32	HC32	Nhóm 6	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ		* Thành phần: 0,55% Ortho phthalaldehyd. * Can 5 Lít				Can	2		
33	HC33	Nhóm 6	Dung dịch tẩy rửa đa enzyme các dụng cụ y tế.		* Thành phần: 5 enzyme: Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase + chất hoạt động bề mặt. * Chai 1 lít.				Chai	2		
				Danh mục gồm 33 mặt hàng								

STT	Mã số đầu thầu	Phân nhóm theo TT14/2020 /TT-BYT	Tên hàng hoá	Tên thương mại	Quy cách kỹ thuật, đóng gói	Số Giấy phép lưu hành sản phẩm hoặc số Công văn cho phép NK	Hãng sản xuất Nước sản xuất	Tiêu chuẩn của nhà SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
------------	-------------------------------	---	---------------------	-----------------------	--	--	--	--	------------------------	-----------------	------------------------------------	------------------------------

